



Theo bộ “Vinayapitaka Cullavagga” (“Tứ u Phàm”, V, 33) của **Luật Tạng [4]**, Đức Phật đã cử họ đến thăm các Tỷ kheo ở các tập Giáo Pháp bằng “ngôn ngữ của mình”

saka nirutti

)

, mà luật nói Pali là là Ngài

Buddhaghosa

(Phật Âm) đã đi đến để chỉ: đó có nghĩa là ngôn ngữ (hay phương ngữ) của

Magadhi

(Ma-Ki-t-Đà) được dùng bởi Đức Phật và Đức Phật đã

không

cho phép họ để chuyển ngôn ngữ giáo lý thành ngôn ngữ văn kể bằng tiếng Phạn.

Có hai người anh em, có hai đấng là Tỷ kheo tên là Yamelu và Tekula, khi đi đến kinh thành Đức Phật đã than phiền với Đức Phật là có những Tỷ kheo thu được những thóc gạo và họ khác nhau đã làm mai mối những lời dạy của Đức Phật bằng cách đi thuyết giảng bằng ngôn ngữ của phương ngữ của họ. Họ còn muốn chuyển những lời dạy của Phật thành ngôn ngữ văn kể bằng tiếng Phạn (chandaso), những Đức Phật đã ra lệnh cho họ làm việc này. Trải qua 2.400 năm sau đó, chỉ

saka nirutti

,

đã bị sử dụng cho ngôn ngữ của Magadhi (Ma-Ki-t-Đà).

Trong năm sau thế kỷ 19, những học giả phương Tây bắt đầu quan tâm đến Phật Giáo, và khi những học giả Pali uyên bác như **Rhys Davids** và **Oldenberg** bắt đầu dịch văn bản **Tạng Luật** (

Vin

aya

)

[5]

ra tiếng Anh, họ đã để chỉ cho thóc gạo của Đức Phật là:

‘Ta cho phép các thầy, này các Tỷ kheo, hãy cứ nói bằng ngôn ngữ của mỗi người’ (“I allow you, O Bhikkhus, to learn the words of the Buddha each in his own dialect”) Nghĩa là: ngôn ngữ riêng, tiếng của mỗi người.

hay ngôn ngữ riêng của mỗi người.

Hầu hết các học giả đã có xu hướng đồng tình với cách diễn dịch này, ngoài trừ học giả **Geiger** thì lại theo quan điểm của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), cho rằng câu chữ thực của Phật có nghĩa là mỗi người phải học giáo pháp bằng ngôn ngữ mà Đức Phật đang dùng lúc bấy giờ.

Tiến sĩ Rhys Davids, sau khi suy nghĩ kỹ, cũng tỏ ra bất thuyết phục bởi quan điểm diễn dịch của Ngài Buddhaghosa. Sau này, trong những tác phẩm của mình, ông đã chấp nhận chữ ‘**saka nirutti**’,

có nghĩa là ngôn ngữ riêng của Đức Phật, nhưng với một giới thích rất khéo léo. Trong *Lịch Sử của Quyển Tạng Pali-Anh* do tiến sĩ T.W. Rhys Davids và William Stede biên soạn và in đầu xuất bản ở London năm 1921-1925, ông ta cho rằng tiếng Pali trong Tam tạng Kinh Điển là dựa vào tiếng bản xứ của người

Kosala

, tức là tiếng mẹ đẻ của Đức Phật.

Gần đây, học giả **Law [6]**, trong quyển sách của ông có tựa đề là “*Lịch Sử Văn Học Pali*” đã có ý kiến cho rằng Ngài Buddhaghosa đã hiểu chính xác, không phân biệt khi cho rằng chữ ‘*chandasa*

’ là đồng nghĩa với tiếng Phạn và ‘*saka nirutti*

’ thì có nghĩa là tiếng của ngôn ngữ Magadhi (Ma-Ki-t-Đà) đã được Đức Phật dùng làm ngôn ngữ tiến giảng dạy (

vacanamagga

). Theo ông Law, ngôn ngữ tiếng Phạn đã được phân chia thành hai dòng, là tiếng Phạn của Vệ-Đà và tiếng Phạn đang dùng hôm nay, và Đức Phật chỉ không cho phép học hoc để dạy những giáo lý của Người vào tiếng Phạn Vệ-Đà vào thời đó (của tiếng P Bà-la-môn), chỉ không phân biệt tiếng Phạn thông đồng khác. Law đã viết rằng:

“Điều đó vượt qua sự hiểu biết của chúng ta về cách mà Ngài Buddhaghosa đã đi quá xa và cho rằng với chữ “**saka nirutti**”, Đức Phật muốn nói rằng đó là ngôn ngữ tiến giảng dạy duy nhất của Người, và đó chính là tiếng bản xứ của Magadhi (Ma-Ki-t-Đà). Thật vô lý, sai lầm và quá quyét

đoán khi cho rằng Đức Phật ban hành quy định tiếng Magadhi (Ma-Ki-t-Đà) là hình thức phát ngôn đúng duy nhất khi học tập giáo lý của Đức Phật và rằng ngôn ngữ tiếng đã pha trộn khác là ngôn ngữ hình thức phát ngôn không chính xác”.

(a) Phép nói Tiếng Giảng Dạy Cho Các Tăng Kheo

Mặc dù ý kiến mang tính chủ quan tính mạnh mẽ của mình, luận của các học giả Law cũng không có vẻ luận gì về việc các ngôn ngữ được dùng khi học hành của học sinh thuộc thời kỳ xưa đó. Trong thời kỳ này, phong tục ngôn ngữ của các tăng sinh mong muốn theo học một ngôn ngữ nào đó, dù là cùng chung ngôn ngữ và học theo một ngôn ngữ đó theo phương pháp nói-nghe bằng tiếng bản xứ của ngôn ngữ đó. Cách diễn đạt của Ngài **Buddhaghosa** (Phật Âm) cho thấy là phù hợp với tinh thần ngôn ngữ của Đức Phật rằng không thể có một ngôn ngữ nào để diễn tả những lời dạy của Phật bằng chính những lời và ngôn ngữ do chính Đức Phật thuyết giảng. Truy cập theo cách học theo phương pháp nói nghe, truy cập minh là quan trọng và nhận mạnh mẽ để cho học trò có khả năng học, để tăng trưởng và ghi nhớ những giáo lý bằng ngôn ngữ chung -

tiếng phổ thông -

vì khi dùng ngôn ngữ chung, tất cả sai sót khi nhắc lại hay tăng để có được một ý rõ và mọi người đều nghe bằng một tiếng chung và cùng bằng sự sai.

Điều này đã được suy ra và được thể hiện bởi những người hay Học Đức Phật Kinh Điển sau *Bát-Ni-t-bàn* của Đức Phật, nhằm báo động những lời dạy của Đức Phật được báo động và lưu truy cập một cách chính xác. Hãy tăng trưởng những người Kinh Điển sẽ học hỏi để nhận được nào như những giáo pháp, thuyết giảng của Đức Phật được được, kết hợp với Học Đức Phật Kinh Điển bằng nhiều tiếng hay phương pháp khác nhau!. Ai sẽ nghe ai và ai sẽ hiểu ai?. Những người mang tính logic, hiểu lý này, chúng ta có thể chắc chắn rằng Đức Phật đã cho thấy tất cả những Tăng Kheo phải học giáo pháp bằng

ngôn ngữ chung thời đó

, đó là tiếng

Magadhi

(Ma-Ki-t-Đà) vào thời Đức Phật, mặc dù tiếng bản xứ của Đức Phật là tiếng đã pha trộn

Kosala

(Câu-xá-lợi), vì vị vua quốc Thích Ca Sakya là một vị vua của Kosala, những người đã không dùng nó.

Theo Ngài **Đức Anagarika Dharmapala** [7], Đức Thích Tôn muốn dùng ngôn ngữ đó, tất cả

tiếng **Magadhi** (Ma-Ki-t-Đà), để chuyển từ những thông điệp và lời dạy của Phật phải là ngôn ngữ của đời đa số mọi người, chứ không dùng tiếng Phạn, tiếng

vấn đã và vấn là ngôn ngữ

dành riêng

cho giai cấp Bà-la-môn. Ngay cả khi đến thời hiện đại trước khi Ấn Độ được độc lập năm 1947, những đạo sư hay những ông thầy Hindu (Ấn Độ giáo) thuộc tầng lớp cao sang cũng

không muốn

dạy tiếng Phạn cho con em của những nhà theo đạo Hindu thuộc tầng lớp thấp hèn, họ tìm kiếm trong các trường học.

Lưu ý: Điều này cũng đã xảy ra trong cuộc đời của Tiến sĩ **B.R. Ambedkar**

(?-1891-7/12/1956), đời di sản lớn lao trong lịch sử Ấn Độ cho tiếng nói “bản cùng” của Ấn Độ, những chuyển qua đạo Phật sau này, cũng đã từng bị các thầy giáo dạy tiếng Phạn từ chối dạy tiếng Phạn cho ông, vì ông là người Hindu thuộc giai cấp hạ tầng khi còn đi học.

Vì bị từ chối đi đa số dân chúng vào thời mình không thể hiểu được tiếng Phạn, nên Đức Phật đã quyết định dùng tiếng **Magadhi** (Ma-Ki-t-Đà) làm phương ngữ tiếng để giảng dạy giáo pháp, mang lại giáo pháp và lợi lạc cho số đông quần chúng. Vì vậy, vì lý do rất quan trọng này mà Đức Phật thậm chí có chế thơ và ghi chép các Tánh kinh không được chuyển dịch hay truyền dạy những lợi của Phật sang tiếng Phạn, nếu vì phạm sự coi là phạm tội

tác ác (

dukkata

)

!.

(b) *Saka Nirutti* – “Ngôn Ngữ Riêng Của Chúng Ta”

Về sau này, học giả người Ấn Độ **TS. Mauli Chand Prasad [8]** đã tham luận với nhiều luận cứ đánh giá lợi ích ý nghĩa hơn về vấn đề bắt đầu trong việc xác định ngôn ngữ được dùng bởi Đức Phật để giảng dạy giáo pháp. Theo học giả này, tiếng

Magadhi

(Ma-Ki-t-Đà) chính là phương ngữ hay là tiếng bản xứ thông dụng nhất được dùng để giao tiếp vào thời Đức Phật, giảng dạy trong thời kỳ trước khi tiếng Hindi được chọn dùng làm tiếng phổ thông của Ấn Độ ngày nay, được đề cập là:

‘

nij bhasa

,

(nghĩa gốc là: Ngôn ngữ riêng, ngôn ngữ của riêng mình). Ông ta đã dịch chữ

‘

saka nirutti

,

là:

‘ngôn ngữ

(riêng)

của chúng ta

,

, và chính thức của Đức Phật là:

“Ta cho phép, này các Tỳ kheo, những người dạy về Phật pháp bằng chính ngôn ngữ (riêng) của chúng ta”, (*) có nghĩa là tiếng Magadhi.

Số điển danh này thì giảng về điển danh và quan điểm của Ngài Buddhaghosa và cùng lúc chính mình cho quan điểm ngày xưa của Đức Phật trong việc không đồng ý với định nghĩa của Tỳ kheo Yamelu và Tỳ kheo Tekula về những lời Phật dạy thành những câu kệ bằng tiếng Phạn. Vì vậy, có thể cho thấy rằng chữ ‘saka nirutti’ và ‘nij bhasa’ cũng mang một ý nghĩa. Mặc dù trải qua quá nhiều thời gian và thời gian thuyết cách xa giữa hai thời đại, cả hai chữ đều mang một nghĩa là ‘tiếng của người’ hay ‘tiếng bản xứ’ để dùng như một ngôn ngữ phổ thông nhất để giao tiếp vào một thời đại của một chữ.

(*) Ở đây, trong tiếng Việt chữ ‘Riêng’ là riêng của nhóm người, của ‘chúng ta’ chứ không phải riêng của Đức Phật hay của riêng ai. Tiếng Việt cũng có thể gọi là ‘ngôn ngữ chung của chúng ta’, mặc dù chữ ‘riêng’ và ‘chung’ mang hai nghĩa khác nhau. (ND).